

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN KẾ SÁCH
TỈNH SÓC TRĂNG
&&&**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 146/2024/DS-ST

Ngày: 26/7/2024

“V/v tranh chấp HĐ vay tài sản”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN KẾ SÁCH, TỈNH SÓC TRĂNG**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Thạch Việt Tâm.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Võ Duy Loan.
2. Bà Huỳnh Khiết Như.

- Thư ký phiên tòa: Ông Quách Văn Diễm, Thẩm tra viên Tòa án nhân dân huyện Kế Sách, tỉnh Sóc Trăng.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Kế Sách, tỉnh Sóc Trăng tham gia phiên tòa: Ông Dương Thanh Hậu, Kiểm sát viên.

Ngày 26 tháng 7 năm 2024 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Kế Sách, tỉnh Sóc Trăng xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 46/2024/TLST-DS ngày 22 tháng 02 năm 2024 về “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 200/2024/QĐXXST-DS ngày 23/5/2024, Thông báo dời ngày xét xử số 256/TB-TA ngày 13/6/2024 và Quyết định tạm ngừng phiên tòa số: 12/2024/QĐST-DS ngày 02/7/2024, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: **Nguyễn Thị V**, sinh năm 1962

Địa chỉ: **Số E, ấp B, xã Đ, huyện K, tỉnh Sóc Trăng** (vắng mặt).

Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn: **Nguyễn Minh H**, sinh năm 1975, địa chỉ: **ấp C, xã H, huyện C, tỉnh Sóc Trăng** (theo Giấy ủy quyền ngày 29/12/2023, ông **H** vắng mặt).

- Bị đơn: **Nguyễn Thị Bích T**, sinh năm 1973

HKTT: **ấp B, xã Đ, huyện K, tỉnh Sóc Trăng**.

Chỗ ở hiện nay: **ấp M, xã Đ, huyện K, tỉnh Sóc Trăng** (vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Theo đơn khởi kiện ngày 26/01/2024, nguyên đơn bà Nguyễn Thị V trình bày: Ngày 01/11/2014, bà Nguyễn Thị Bích T có vay của bà 430.000.000 đồng (Bốn trăm ba mươi triệu đồng) lãi suất 1%/tháng, khi vay tiền có viết giấy tay, bà T nói vay để lấy 03 giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của em bà là Nguyễn Thị L đang vay ngân hàng ra để thực hiện việc chuyển nhượng quyền sử dụng đất của bà L với bà T. Sau khi vay thì bà T có đóng lãi cho bà được 10 tháng đầu như thỏa thuận nhưng từ tháng thứ 11 tức là ngày 01/09/2015 bà T chỉ đóng cho bà mỗi tháng được 1.000.000 đồng, bà T nói rằng do làm ăn khó khăn nên chỉ đóng lãi được như vậy, khi nào có nhiều sẽ đóng nhiều hơn. Thấy hoàn cảnh bà T cũng khó khăn nên bà cũng không nói gì. Thời gian đóng lãi và số tiền đóng lãi cụ thể như sau: Từ ngày 01/12/2014 bà T đóng lãi mỗi tháng 4.300.000 đồng, đóng được 10 tháng (tức đến ngày 01/09/2015) là 43.000.000 đồng; từ ngày 01/09/2015 bà T đóng mỗi tháng 1.000.000 đồng, đóng được 96 tháng, 15 ngày (tức ngày 15/11/2023) là 96.500.000 đồng. Tổng số lãi bà T đóng cho bà được 139.500.000 đồng. Trong khi chiếu theo giấy vay nợ thì bà T trả lãi 1%/tháng, tương đương 4.300.000 đồng/tháng, tính từ ngày bắt đầu đóng lãi là ngày 01/12/2014 đến ngày bà T ngưng đóng là ngày 15/11/2023 là 108 tháng 15 ngày x 4.300.000 đồng/tháng + 15 ngày = 466.550.000 đồng. Như vậy tính tới ngày 15/11/2023 số lãi bà T còn nợ lại bà 466.550.000 đồng – 139.500.000 đồng = 327.050.000 đồng. Tổng vốn và lãi là 430.000.000 đồng + 327.050.000 đồng = 757.050.000 đồng (Bảy trăm năm mươi bảy triệu không trăm năm mươi nghìn đồng).

Nay bà V yêu cầu Tòa án giải quyết buộc bà Nguyễn Thị Bích T phải trả tiền cho bà tổng số tiền 757.050.000 đồng (Bảy trăm năm mươi bảy triệu không trăm năm mươi nghìn đồng) và tiếp tục tính lãi cho đến ngày xét xử sơ thẩm.

- Tại Biên bản lấy lời khai ngày 15/5/2024 và ngày 15/7/2024, bị đơn bà Nguyễn Thị Bích T trình bày: Bà thừa nhận hiện nay bà còn thiếu bà V tiền vốn vay 430.000.000 đồng và đóng lãi được 139.500.000 đồng như bà V trình bày là đúng. Khi vay nợ bà có giao giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho bà V nên khi bà V trả lại giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho bà thì bà sẽ trả tiền vay cho bà V.

- Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát tham gia phiên tòa: Việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Thư ký và Hội đồng xét xử, cũng như việc chấp hành pháp luật của các đương sự kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án đều thực hiện đúng theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự và đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, bị đơn chịu án phí theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Tại phiên tòa sơ thẩm, đại diện nguyên đơn giữ nguyên nội dung đơn khởi kiện; đương sự không thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết toàn bộ vụ án.

[2] Các đương sự có đơn yêu cầu Tòa án xét xử vắng mặt, đại diện Viện kiểm sát đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt các đương sự. Tòa án căn cứ vào khoản 1 Điều 228, khoản 1 Điều 238 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, tiến hành xét xử vắng mặt các đương sự.

[3] Bà Nguyễn Thị V và bà Nguyễn Thị Bích T có giao kết hợp đồng vay tài sản. Nay các bên phát sinh tranh chấp, các đương sự cùng cư trú tại huyện K nên Tòa án nhân dân huyện Kế Sách thụ lý, giải quyết vụ án về việc “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản” là đúng thẩm quyền theo quy định tại khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 và Điều 463 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

[4] Đại diện nguyên đơn thay đổi một phần yêu cầu khởi kiện là chỉ yêu cầu tính lãi đến ngày ngày 15/11/2023 và lãi trong giai đoạn thi hành án. Việc thay đổi là tự nguyện, không vượt quá phạm vi khởi kiện ban đầu, có lợi cho bị đơn, phù hợp theo quy định tại khoản 1 Điều 244 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 nên Tòa án chấp nhận.

[5] Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và lời khai của đương sự tại phiên tòa, Ngày 01/11/2014 bà T có vay của bà V 430.000.000 đồng, mức lãi suất theo thỏa thuận là 1%/tháng. Sau khi vay bà T có đóng lãi đến ngày 15/11/2023 với số tiền 139.500.000 đồng thì ngưng, không trả vốn. Nay bà V yêu cầu bà T trả 430.000.000 đồng tiền vốn và tiền lãi còn thiếu đến ngày 15/11/2023 là 327.050.000 đồng, tổng vốn và lãi là 757.050.000 đồng. Bà T thừa nhận hiện nay còn thiếu bà V số tiền nêu trên. Đây là tình tiết, sự kiện không cần phải chứng minh theo quy định tại khoản 2 Điều 92 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

[6] Khi tham gia giao dịch các bên đều có năng lực hành vi, tự nguyện giao kết, thỏa thuận với nhau, giao dịch không vi phạm điều cấm của pháp luật, không trái đạo đức xã hội. Trong quá trình giao kết hợp đồng vay tài sản, phía bà T là người có lỗi, vì không thực hiện đúng nghĩa vụ trả nợ. Vì vậy, bà T phải có trách nhiệm trả lại số tiền đã vay và lãi cho bà V theo quy định tại Điều 280, Điều 351, Điều 357, Điều 463, khoản 1 Điều 466, Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

[7] Bà V và bà T đều xác định khi vay tiền bà T có giao cho bà V bản chính Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 0735 ngày 03/12/2003 do Ủy ban nhân dân huyện K cấp cho hộ ông Nguyễn Khắc Đ và Giấy bán nhà đất ngày 15/01/2013, nội dung ông Nguyễn Khắc Đ, bà Nguyễn Thị L bán cho bà Nguyễn Thị Bích T 01 miếng đất ngang 6m, dài 100m và nhà ngang 5m, dài 30m và thửa đất ruộng 12 công tầm lớn. Bà V và bà T thống nhất bà V sẽ trả lại cho bà T hai giấy tờ nêu trên. Vì vậy, Tòa án ghi nhận sự tự nguyện của các đương sự. Các giấy tờ này do bà T giao cho bà V nên Tòa án không cần thiết đưa ông Đ (là anh rể bà T) và bà L (là em ruột bà T) vào tham gia tố tụng. Nếu sau này các bên có tranh chấp sẽ giải quyết bằng vụ án khác.

[8] Về án phí dân sự sơ thẩm: Bà **T** phải chịu án phí là 34.282.000 đồng theo quy định tại Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 và khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội. Bà **Nguyễn Thị V** được miễn tạm ứng án phí, án phí.

[9] Như đã nhận định nêu trên, đề nghị của Kiểm sát viên Viện kiểm sát nhân dân huyện Kế Sách là có căn cứ nên được chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 1 Điều 228, khoản 1 Điều 238, khoản 1 Điều 244, khoản 2 Điều 92, Điều 147, Điều 266, Điều 271, Điều 273, Điều 278, Điều 280, của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; Điều 280, Điều 351, Điều 357, Điều 463, khoản 1 Điều 466, Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015; Điều 26 của Luật Thi hành án dân sự; khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1/. Buộc bà **Nguyễn Thị Bích T** phải có nghĩa vụ trả cho bà **Nguyễn Thị V** số tiền vốn vay 430.000.000 đồng và tiền lãi 327.050.000 đồng. Tổng vốn và lãi là 757.050.000 đồng (*Bảy trăm năm mươi bảy triệu không trăm năm mươi nghìn đồng*).

2/. Khi bản án có hiệu lực pháp luật, kể từ ngày có đơn yêu cầu của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015.

3/ Ghi nhận sự tự nguyện của bà **Nguyễn Thị V** trả cho bà **Nguyễn Thị Bích T** bản chính Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 0735 ngày 03/12/2003 do Ủy ban nhân dân huyện K cấp cho hộ ông **Nguyễn Khắc Đ** và Giấy bán nhà đất ngày 15/01/2013, nội dung ông **Nguyễn Khắc Đ**, bà **Nguyễn Thị L** bán cho bà **Nguyễn Thị Bích T** 01 miếng đất ngang 6m, dài 100m và nhà ngang 5m, dài 30m và thửa đất ruộng 12 công tầm lớn.

4/. Án phí dân sự sơ thẩm: **Nguyễn Thị Bích T** phải chịu 34.282.000 đồng (*Ba mươi bốn triệu hai trăm tám mươi hai ngàn đồng*).

5/. Báo cho các đương sự biết được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được hoặc ngày niêm yết bản án, để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Sóc Trăng xét xử lại vụ án theo thủ tục phúc thẩm.

6/. Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a và 9 Luật

Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Sóc Trăng;
- VKSND huyện K;
- Chi cục THADS huyện K;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - chủ tọa phiên tòa

Thạch Viết Tâm